

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 33/2021/HNGS-ST

Ngày: 04-8-2021

V/v "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Giáp Hồng Thanh

2. Ông Nguyễn Lâm Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 90/2021/TLST - HNGĐ ngày 13/4/2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trán Thành, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ:** Luật sư Lê Thị Ngọc L- Văn phòng luật sư Phan Tiền và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Hà Thị L, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trán Thành, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/3/2021, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:**

Năm 1983 bà Hà Thị L về chung sống với ông tại thôn Trán Thành, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên và vợ chồng ông không có đăng ký kết hôn. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nhiều lần, sau đó hai bên đều cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Ông và bà L đã ly thân từ tháng 07/2020 cho đến nay không còn qua lại chăm sóc đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nên đề nghị được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung là Phạm Thị Hạnh, sinh năm 1983; Phạm Thị Hiền, sinh năm 1986 và Phạm Thị Hiện, sinh năm 1990. Hiện cả 3 con đều đã trưởng thành, ông không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đã đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Hà Thị L có trình bày:*

Bà và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982, có làm thủ tục đăng ký kết hôn UBND xã Quang Tiến nhưng chỉ ghi vào sổ theo dõi của xã mà cả hai bên không lấy giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại tỉnh Cao Bằng, 01 năm sau đó về chung sống tại thôn Trần Thành, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên. Quá trình chung sống ông Đ có nhiều lần có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng được gia đình hòa giải nên vợ chồng bà lại đoàn tụ và hòa thuận. Lần cuối cùng vào tháng 06/2020, ông Đ tiếp tục có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc cho bà và gia đình. Bà và ông Đ ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay. Bà cùng gia đình nhiều lần hòa giải, Đ viên ông Đ về để đoàn tụ nhưng ông Đ không đồng ý. Việc ông Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bà không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Nay ông Đ có đơn xin ly hôn, bà không đồng ý. L do bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông Đ, hơn nữa các con đã trưởng thành nên bà không muốn làm ảnh hưởng tới các con.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là Phạm Thị Hạnh, sinh năm 1983; Phạm Thị Hiền, sinh năm 1986 và Phạm Thị Hiện, sinh năm 1990. Hiện cả 3 con đều đã trưởng thành, bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đã đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bà Hà Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, luật sư Lê Thị Ngọc L trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, cho ông Đ được ly hôn bà L.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Đ, bị đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, luật sư L chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn với bà Hà Thị L.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa ông Đ và bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ L và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Phạm Văn Đ, bà Hà Thị L tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ, bà L.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Phạm Văn Đ và bà Hà Thị L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên về chung sống với nhau từ năm 1982 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Tiến, huyện Tân Yên. Bà L khai có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Tiến nhưng chỉ ghi vào sổ theo dõi của xã mà cả hai không lấy giấy chứng nhận kết hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 28/6/2021 đối với UBND xã Quang Tiến khẳng định ông Đ và bà L có đến UBND xã ghi vào sổ theo dõi kết hôn của xã, tuy nhiên UBND xã Quang Tiến không còn lưu trữ sổ theo dõi kết hôn năm 1982 mà UBND xã chỉ lưu trữ sổ kết hôn từ năm 1992 cho đến nay. Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT/NDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quy định về việc xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03-01-1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn. Trong vụ án này ông Đ và bà L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982, các bên đương sự không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn, UBND xã không còn lưu trữ hồ sơ. Do vậy, ông Đ có đơn xin ly hôn thì Tòa án xem xét giải quyết ly hôn của ông Đ theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đ và bà L sau khi về chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hay cãi vã nhau.

Ông Đ xác định ông và bà L ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay không còn quan tâm gì tới nhau, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì các con nên bà không đồng ý ly hôn, bà thừa nhận bà và ông Đ ly thân nhau từ tháng 6/2020 không còn quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, tại biên bản xác minh ở địa phương thì thấy: Ông Đ và bà L đã ly thân nhau một thời gian không còn quan tâm gì đến nhau. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Vợ chồng ông Đ, bà L có 03 con chung là Phạm Thị Hạnh, sinh năm 1983; Phạm Thị Hiền, sinh năm 1986 và Phạm Thị Hiện, sinh năm 1990. Hiện cả 3 con đều đã trưởng thành. Ông Đ, bà L không yêu cầu xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông Đ, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Đ là đối tượng người cao tuổi được miễn án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn bà Hà Thị L.

[2] Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông Đ, bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Ông Phạm Văn Đ được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Quang Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 04 tháng 8 năm 2021.
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Hồng Thanh

Ông Nguyễn Lâm Giang

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ L số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trán Thành, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ: Luật sư Lê Thị Ngọc L- Văn phòng luật sư Phan Tiền và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Bị đơn:** Chị Hà Thị L, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trán Thành, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

[1]. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Văn Đ được ly hôn với bà Hà Thị L.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[3] Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông Đ, bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[4] Án phí: Ông Phạm Văn Đ được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[5] Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ.....phút, ngày 04 tháng 8 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân